



GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

LÊ THANH HÀ *

Hiện nay, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đang diễn biến phức tạp với phạm vi ngày càng lan rộng, dẫn tới suy thoái kinh tế thế giới và ảnh hưởng tới nhiều mặt của đời sống kinh tế-xã hội tại Việt Nam; trong đó, có vấn đề mất việc làm, thiếu việc làm. Sự tác động này thể hiện rõ nét nhất tại các vùng kinh tế trọng điểm, nơi có trình độ phát triển kinh tế-xã hội tương đối cao, với nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất lớn, tập trung đông đảo doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp xuất khẩu cũng như các doanh nghiệp dân doanh thu hút nhiều lao động làm việc (hàng năm, tạo việc làm cho khoảng 950.000-1.000.000 lao động, chiếm trên 60% tổng số việc làm tạo ra trong cả nước).

1. Tình hình lao động mất việc làm, thiếu việc làm tại các vùng kinh tế trọng điểm thời gian qua.

Năm 2008, theo báo cáo chưa đầy đủ của các tỉnh/thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm (19/24 tỉnh, thành phố), gồm vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (4/7 tỉnh, thành phố), vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (4/5 tỉnh, thành phố), vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (7/8 tỉnh, thành phố) và 4 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long (Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau), có 678 doanh nghiệp báo cáo với khoảng 59.900 lao động mất việc làm (trong đó, số lao động nữ chiếm 24,8%), trên 9.600 lao động thiếu việc làm

(trong đó, số lao động nữ chiếm 54%), chiếm 59,1% số lao động thiếu việc làm và 86,2% số lao động mất việc làm trên cả nước.

Lao động mất việc làm tập trung chủ yếu ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (gần 36.600 lao động) và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (gần 14.400 lao động); trong đó, tập trung đông tại những tỉnh, thành phố có nền kinh tế phát triển với nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và có thị trường lao động phát triển như TP. Hồ Chí Minh (19.041 lao động), Hà Nội (9.634 lao động), Bình Dương (8.515 lao động), Đồng Nai (6.445 lao động), Bắc Ninh (3.986 lao động)... Đối tượng chủ yếu bị cắt giảm trong các doanh nghiệp thường là lao động phổ thông, tập trung vào các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ hoạt động trong ngành dệt may, da giày, chế biến hải sản, chế biến nông sản, xây dựng, công nghiệp ô tô, điện tử..., các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, có nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài.

Song song với những tác động đối với các doanh nghiệp, cuộc khủng hoảng tài chính cũng làm cho hoạt động của các làng nghề, cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (tập trung nhiều tại vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ) gặp khó khăn, người lao động bị thiếu việc làm, thu nhập giảm sút.

* Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Tại làng nghề La Phù (xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội), trước thời kì khủng hoảng, với hơn 97 doanh nghiệp, tổ hợp sản xuất và trên 1.000 hộ gia đình sản xuất - kinh doanh, hàng năm tạo việc làm cho khoảng 25.000 lao động (trong đó, có khoảng 10.000 người làm việc thường xuyên trong các doanh nghiệp và 15.000 người làm việc tại gia đình gia công hàng cho các doanh nghiệp tại xã và các địa phương lân cận), tuy nhiên, do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế cũng như tình hình các nước Đông Âu gặp khó khăn và có biến động về tỉ giá, hàng hóa xuất sang các nước này giảm hẳn, vì vậy, nhu cầu sử dụng lao động tại làng đã giảm 50-70%. Tại làng nghề Đồng Ky, tỉnh Bắc Ninh, với 140 doanh nghiệp và 20 hợp tác xã sản xuất hàng truyền thống, nhu cầu sử dụng lao động hàng năm của làng là 6.000 lao động địa phương và khoảng 10.000 lao động đến từ các tỉnh lân cận, hiện nay, làng nghề này cũng giảm 2/3 số lao động do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế.

Từ đầu năm 2009 đến nay, kinh tế thế giới tiếp tục suy thoái mạnh, tác động xấu đến nền kinh tế nước ta. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sản xuất công nghiệp tăng thấp, 2 tháng đầu năm 2009 chỉ tăng 2,5% so với cùng kì năm 2008; thu hút FDI đạt 5,3 tỉ USD (bao gồm cả cấp mới và tăng vốn), bằng 70% so với cùng kì năm trước; kim ngạch xuất khẩu đạt 8 tỉ USD, giảm 5,1%; trong đó, xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) đạt 2,8 tỉ USD, giảm 13,8%; nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực giảm mạnh như: cao su giảm 50,5%; dây điện và cáp điện giảm 44,6%; dầu thô giảm 42,4% về giá trị; điện tử, máy tính và linh kiện giảm 13,7%; giấy dếp giảm 7,3%; thủy sản giảm 5,8%... Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 7,73 tỉ USD, giảm 43,1%; lượng nhập khẩu tất cả các mặt hàng (chủ yếu là nguyên liệu đầu vào của sản xuất) đều giảm so với cùng kì năm 2008 như: thép các loại giảm 74,2%; xăng

dầu giảm 26,2%; giấy các loại giảm 32%; phân bón giảm 22,3%; lượng khách du lịch giảm 10,3%... Điều này phản ánh sự khó khăn chung của nền kinh tế cũng như hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp.

Theo báo cáo của một số tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm, trong quý I năm 2009, số lao động mất việc làm ở các doanh nghiệp khá cao với hơn 20.000 lao động, chủ yếu trong những doanh nghiệp vừa và nhỏ; trong đó, TP. Hồ Chí Minh có 75 doanh nghiệp ngừng, tạm ngừng hoạt động, thu hẹp quy mô sản xuất với tổng số 7.360 người mất việc làm và 13.259 người thiếu việc làm; Bình Dương có 13 doanh nghiệp ngừng hoạt động với 4.276 lao động mất việc làm và 764 lao động thiếu việc làm. Hải Phòng có 2.443 lao động thiếu việc làm tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp và xảy ra tình trạng thất nghiệp tạm thời tại các doanh nghiệp gia công hàng xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất và giảm lao động. Đà Nẵng có 1.500 lao động mất việc làm; Bà Rịa-Vũng Tàu có 79 lao động mất việc làm do doanh nghiệp cơ cấu lại theo hướng hiệu quả hơn...

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm của người lao động tại các vùng kinh tế trọng điểm trong thời gian qua là do:

Thứ nhất, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tại Mỹ ngày càng lan rộng, nền kinh tế thế giới suy giảm đã tác động trực tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam, nhiều doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu không tiêu thụ được sản phẩm, không thu hồi được vốn để tái sản xuất, các đơn đặt hàng từ nước ngoài giảm sút nên nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất và cắt giảm lao động.

Thứ hai, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế trong nước nói chung và tại các vùng kinh tế trọng điểm nói riêng dẫn tới

sự thu hẹp về sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp. Mặt khác, các doanh nghiệp phải tái cấu trúc cơ cấu nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh mà giải pháp hiệu quả nhất nhằm duy trì sự ổn định thị phần và khả năng sinh lợi là cắt giảm nhân lực, tinh gọn bộ máy.

Thời gian qua, bài học đắt giá của nhiều tập đoàn lớn trên thế giới về tái cấu trúc như Samsung, HSBC, eBay... đã khiến các doanh nghiệp trong nước bắt đầu cơ cấu lại bộ máy tổ chức và hoạt động. Trong lĩnh vực tài chính, khi thị trường chứng khoán sụt giảm, hơn một nửa số công ty chứng khoán rơi vào tình trạng “chết lâm sàng”, nhiều công ty đã mạnh dạn cắt giảm 30-50% nhân sự, nhờ đó mà có thể tồn tại qua khủng hoảng. Trong các ngành khác cũng diễn ra quá trình tái cơ cấu bộ máy hoạt động như tập đoàn FPT dự tính cắt giảm 10% nhân sự sau khi rà soát hoạt động của các công ty con.

Thứ ba, do sự suy giảm của thị trường xuất khẩu lao động, cùng với tình trạng lao động trong nước bị mất và thiếu việc làm ngày càng gia tăng, hiện đang có một làn sóng lao động di chuyển ngược về Việt Nam từ nước ngoài. Theo cục Quản lý lao động ngoài nước thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, số lao động Việt Nam ở Ma-lai-xi-a phải về nước do khủng hoảng kinh tế trong 3 tháng đầu năm 2009 là 6.000 người; số lao động Việt Nam ở Đài Loan phải trở về nước tính từ cuối năm 2008 đến tháng 2 năm 2009 vào khoảng hơn 2.000 người...

2. Một số giải pháp nhằm ổn định việc làm cho lao động tại các vùng kinh tế trọng điểm.

Thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nhằm ngăn chặn suy giảm, duy trì tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội, hệ thống các giải pháp kích cầu được triển khai tích cực, nhiều chính sách hỗ trợ người lao động, doanh nghiệp

bước đầu đi vào cuộc sống... đã phần nào hạn chế tác động tiêu cực của khủng hoảng đến người lao động.

Mặt khác, trong thực tế, nhiều lao động bị mất việc làm tại các doanh nghiệp này vẫn tìm được việc làm mới tại các doanh nghiệp khác. Nhu cầu lao động của các vùng kinh tế trọng điểm phía Nam vẫn rất lớn: theo kết quả khảo sát của Sở Lao động, Thương binh và xã hội TP. Hồ Chí Minh cho thấy, trong số 19.041 lao động mất việc làm tại TP. Hồ Chí Minh đã có 14.851 lao động (chiếm 78%) tìm được việc làm mới; tại Bình Dương, 7.000/8.515 lao động mất việc làm tìm được việc làm mới; tại Bà Rịa - Vũng Tàu, có 849 lao động mất việc làm trong khi nhu cầu tuyển lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn là 12.142 lao động; tại Đồng Nai có 10.047 lao động mất việc làm trong khi nhu cầu tuyển lao động của các doanh nghiệp là khoảng 50.000 người... Đồng thời, tại một số làng nghề, các hộ gia đình làm nghề truyền thống mặc dù bị thu hẹp sản xuất nhưng một bộ phận vẫn tiếp tục sản xuất, một số lao động chuyển nghề sang làm việc khác kết hợp với làm nông nghiệp.

Tuy nhiên, trước những biến động về việc làm tại các vùng kinh tế trọng điểm thời gian qua, để hạn chế những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và đảm bảo ổn định việc làm cho người lao động, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chính sau:

Một là, tạo cầu nối giữa lao động và doanh nghiệp. Tình hình lao động không có việc làm hoặc thiếu việc làm trong khi doanh nghiệp không tuyển được lao động cho thấy, hiện đang có một khoảng cách nhất định giữa nhà tuyển dụng và lao động. Do đó, cần khuyến khích, thúc đẩy mạnh hơn nữa mối liên kết giữa doanh nghiệp và người lao động thông qua các kênh khác nhau: Nhà nước, các tổ chức xã hội và tư nhân (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; các trung tâm giới thiệu việc làm; các hiệp hội doanh nghiệp...).

Hai là, cần có chiến lược cơ cấu và phát triển nguồn nhân lực. Tình trạng thiếu lao động tay nghề cao, không được đào tạo đầy đủ đã và đang cản trở Việt Nam tiếp thu các nguồn vốn lớn, mặt khác, các nước trong khu vực cũng cạnh tranh gay gắt với Việt Nam trong việc tranh thủ các nguồn vốn này. Chính vì vậy, bên cạnh các chính sách hỗ trợ lao động, Nhà nước cũng cần xây dựng chiến lược cơ cấu lại nguồn nhân lực theo hướng đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của quá trình phát triển kinh tế và của nhà đầu tư. Cần có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư trong lĩnh vực đào tạo, dạy nghề để tạo ra một đội ngũ lao động mới có kỹ năng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao. Tăng cường giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo hướng tập trung vào chất lượng đào tạo, gắn giáo dục - đào tạo với nhu cầu của thị trường; ưu tiên đào tạo chuyển đổi nghề cho lao động bị mất việc làm, lao động nông thôn, lao động yếu thế, lao động thanh niên,... thực hiện đồng bộ với các giải pháp hỗ trợ tín dụng, chuyển giao kỹ thuật công nghệ để phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, gắn dạy nghề với tạo việc làm. Nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển dạy nghề trong các doanh nghiệp, các làng nghề; hỗ trợ sau đào tạo nghề để tạo việc làm, tự tạo việc làm. Đồng thời, khuyến khích và hỗ trợ thanh niên đi học nghề, giám sát tình trạng “thừa thày thiếu thợ” của nước ta hiện nay.

Ba là, xây dựng cơ sở lý luận và hoàn chỉnh hệ thống chính sách về thất nghiệp để làm cơ sở cho việc quản lý, điều hành và giải quyết các vấn đề lớn của nền kinh tế. Trước mắt, cần tiếp tục ban hành các chính sách để thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11-12-2008 của Chính phủ về các giải pháp nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, trong đó có vấn đề tạo việc làm.

Tuyên truyền, phổ biến chính sách theo

quy định tại Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23-02-2009 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người lao động mất việc làm trong các doanh nghiệp do suy giảm kinh tế và Thông tư liên tịch số 06/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 27-02-2009 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg. Tăng cường sự phối hợp với Bộ Tài chính, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội và các địa phương trong quá trình thực hiện Quyết định này.

Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, hình thành các quỹ an sinh xã hội, đặc biệt triển khai thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12-12-2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của *Luật Bảo hiểm xã hội* về bảo hiểm thất nghiệp.

Bốn là, nâng cao hiệu quả dự án cho vay vốn hỗ trợ tạo việc làm từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, tập trung cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các làng nghề ..., ưu tiên việc làm cho đối tượng yếu thế, lao động bị mất việc làm.

Mở rộng và phát triển thị trường lao động ngoài nước, ổn định và mở rộng thị phần tại các thị trường nhận lao động Việt Nam hiện có, đặc biệt là các thị trường Trung Đông, Hàn Quốc, Li-bi; phát triển thêm các thị trường lao động mới; tăng cường quản lý, bảo vệ quyền lợi người lao động làm việc ở nước ngoài; củng cố, nâng cao năng lực các Ban Quản lý lao động ở ngoài nước.

Năm là, hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh đối với các vùng kinh tế trọng điểm theo hướng: đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện kích cầu các ngành thép, vật liệu xây dựng, giấy, hóa chất,...; khuyến khích sản xuất hàng tiêu dùng nội địa; ưu

tiên hỗ trợ các ngành hàng sản xuất có lợi thế thay thế hàng nhập khẩu và sử dụng nhiều lao động. Có chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư các dự án, công trình có quy mô lớn, tạo nhiều việc làm; hỗ trợ các doanh nghiệp thông qua việc giảm thuế, hoãn thuế, khoan nợ song song với cam kết phải duy trì việc làm cho số lao động hiện tại và thu hút thêm lao động nếu có thể; hỗ trợ vốn vay cho các doanh nghiệp gặp khó khăn để duy trì sản xuất, bảo đảm việc làm cho người lao động.

Hỗ trợ phát triển thị trường lao động trong nước với việc hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động (hoàn thiện cổng thông tin điện tử việc làm, triển khai

thu thập thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường lao động tại các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm; thu thập thông tin về tình hình biến động việc làm tại các doanh nghiệp; dự báo thị trường lao động...). Đẩy mạnh việc thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Dự án Thị trường lao động EC/MOLISA/ILO. Nâng cao năng lực công tác dự báo thị trường lao động để kịp thời ban hành những chính sách ứng phó thích hợp với tình hình lao động-việc làm. Đa dạng hoá các hình thức giao dịch việc làm, phát huy tốt vai trò của các trung tâm giới thiệu việc làm công, phối hợp với các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo tổ chức thường xuyên, định kỳ sàn giao dịch việc làm□

* * * * *

CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH...

(Tiếp theo trang 24)

dưới hình thức hạ thấp giá trị hải quan, nhập hàng vào khu miễn thuế, niêm yết giá bán thấp, sau đó, thông đồng với “đầu nậu” tổ chức thuê người mua gom hàng theo tiêu chuẩn miễn thuế của cư dân biên giới, người du lịch để vận chuyển về nước tiêu thụ.

Thực hiện CBXH trong điều kiện nền KTIT định hướng XHCN ở nước ta khác về chất so với thực hiện CBXH ở những nước tư bản chủ nghĩa. Theo đó, KTIT tạo điều kiện để thực hiện CBXH, tạo điều kiện cho người dân có cơ hội tham gia làm kinh tế và tạo thuận lợi để phát triển giáo dục, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho mọi người.

Tuy nhiên, trong quá trình vận hành nền KTIT định hướng XHCN ở Việt Nam, cũng xuất hiện những hạn chế trong quá trình thực hiện CBXH như KTIT làm cho hiện tượng chênh lệch giàu - nghèo ngày càng gia tăng, thất nghiệp, tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại có cơ hội phát triển...

Đứng trước thực trạng đó, để giải quyết những hạn chế trong việc thực hiện CBXH ở nước ta hiện nay đòi hỏi phải có những giải pháp hữu hiệu như thực hiện công bằng trong phân phối, đảm bảo sự bình đẳng cho chủ thể kinh tế trong hoạt động sản xuất - kinh doanh; khuyến khích làm giàu chính đáng đi đôi với xóa đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt các chính sách xã hội về tiền lương, bảo hiểm, việc làm, giáo dục đào tạo, đặc biệt là chống tham nhũng, buôn lậu□

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI. NXB. Sự thật. Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần IX. X. NXB. CTQG. Hà Nội.

3. Kinh tế tăng trưởng gắn với chất lượng người dân (9-2008). Tổng quan kinh tế Việt Nam.

4. Đặng Thị Loan, Lê Du Phong, Hoàng Văn Hao (đồng chủ biên. 2007). Kinh tế Việt Nam 20 năm đổi mới (1986-2006) thành tựu và những vấn đề đặt ra. NXB. Đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội.